

Bản tin Phân tích kỹ thuật

16/09/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G9000 hồi phục từ vùng 1.945 điểm nhưng giảm co mạnh quanh khu vực 1.955 điểm. Dự báo hợp đồng điều chỉnh về vùng 1.950 điểm trước khi nổi lại nhịp tăng, với mục tiêu tại 1.960 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.950 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.945 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.950 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.960 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.945 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính



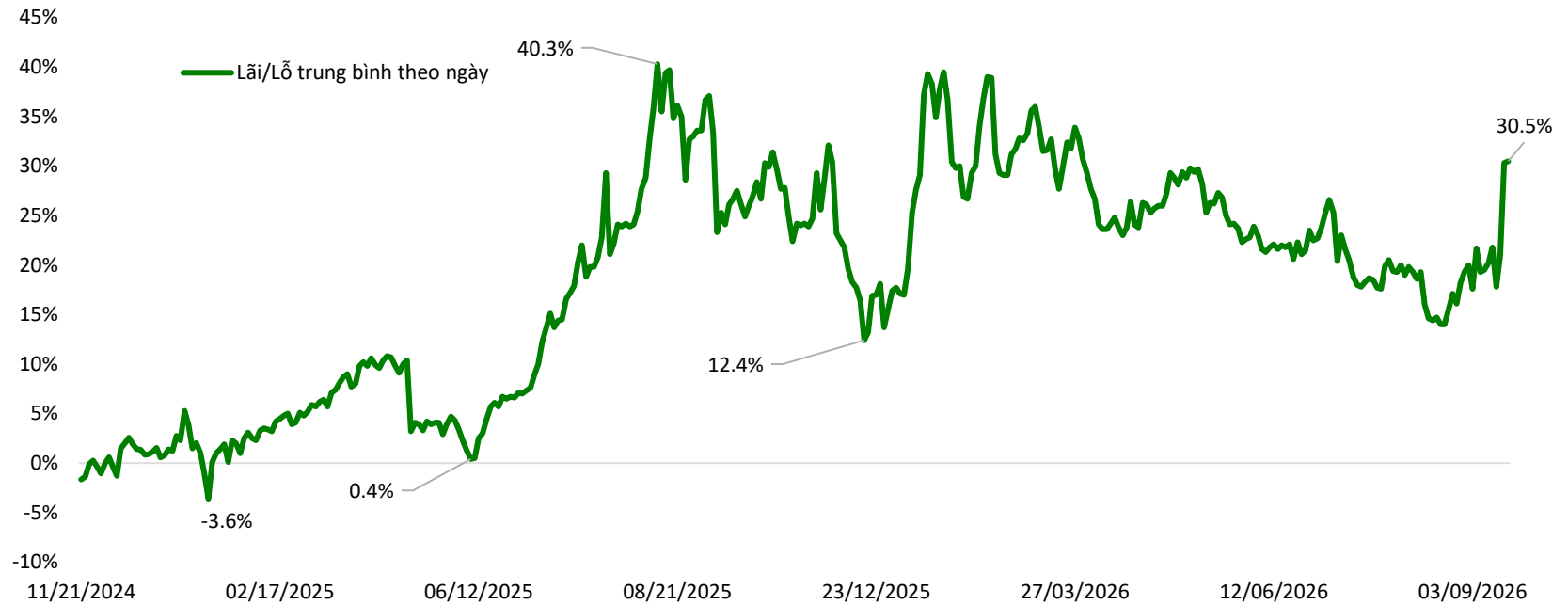
Nguồn: Vietcap

- VN-Index dao động quanh tham chiếu trên nền thanh khoản thấp sau phiên hồi phục 15/09, cho thấy lực mua trở nên thận trọng khi chỉ số vận động trên 1.800 điểm. Tuy nhiên, áp lực bán chưa gia tăng đáng kể, đặc biệt tại nhóm Ngân hàng và Dầu khí, cho thấy trạng thái cung cầu vẫn tương đối cân bằng.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index duy trì trên vùng 1.800–1.810 điểm, qua đó bảo toàn nhịp hồi phục hình thành từ vùng hỗ trợ 1.780–1.790 điểm. Do đó, chỉ số vẫn có khả năng tiếp cận vùng 1.820–1.825 điểm, trong khi 1.800 điểm là hỗ trợ gần trong phiên 17/09.
- Đánh giá tổng quan, nhịp hồi phục hiện tại vẫn được duy trì nhưng động lượng chưa mạnh do thiếu sự hỗ trợ từ lực mua giá cao. Với áp lực bán còn thấp, VN-Index nhiều khả năng tiếp tục tăng trong trạng thái giằng co trong hai phiên cuối tuần. Chiến lược phù hợp vẫn là quản lý vị thế theo tín hiệu kỹ thuật riêng của từng cổ phiếu.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GAS	24/08/2026		Đang mở	89,400	82,000	9.0%	78,500	98,000	85,000	
SSI	24/08/2026		Đang mở	20,550	21,100	-2.6%	19,300	23,000		
FPT	24/08/2026		Đang mở	73,800	71,400	3.4%	69,000	78,000	72,000	
STB	27/08/2026		Đang mở	75,800	74,000	2.4%	73,000	82,000	74,000	
VPB	27/08/2026		Đang mở	27,600	26,700	3.4%	25,900	28,500	26,700	
VCB	08/09/2026		Đang mở	59,300	57,900	2.4%	57,000	60,900	58,800	
ACB	08/09/2026		Đang mở	22,600	22,200	1.8%	21,800	23,750		
SSB	08/09/2026	16/09/2026	Chốt lãi	21,000	17,700	18.6%	17,000	19,700	20,000	21,000
VIC	15/09/2026		Đang mở	241,200	241,000	0.1%	227,000	269,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	44,700	45,400	-1.5%	42,800	56,000		
BSR	15/09/2026	16/09/2026	Chốt lãi	31,500	28,250	11.5%	27,200	31,500	28,600	

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	59,300	-1.17%	1.02%	495,492	-11.490	4,984	2.0	11.9	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	22,350	6.94%	26.27%	77,528	10.691	870	1.8	25.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	32,100	3.72%	0.78%	128,400	9.483	1,751	2.1	18.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	89,400	-2.19%	4.32%	215,718	-9.382	5,269	3.1	17.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DMX	75,000	4.90%	0.00%	95,079	9.251	5,151	5.3	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	36,350	-1.22%	-0.14%	282,739	-6.872	4,250	1.5	8.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	71,000	-0.56%	-1.53%	583,253	-6.494	9,730	2.2	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBB	20,300	1.50%	0.50%	204,396	6.094	3,219	1.4	6.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	22,600	2.26%	0.67%	131,180	5.899	2,701	1.3	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	46,550	-2.00%	-3.32%	139,058	-5.528	3,780	3.2	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	145,000	1.40%	2.11%	189,574	5.270	5,426	10.2	26.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,850	0.98%	0.49%	239,610	4.677	5,172	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,950	-1.18%	-4.99%	176,880	-4.146	2,750	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	73,800	1.51%	1.93%	126,517	3.805	5,862	3.2	12.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	32,450	0.78%	0.15%	229,949	3.548	3,829	1.3	8.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	102,600	-1.54%	-7.73%	30,780	-0.283	11,734	4.7	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	14,800	-4.52%	-0.67%	5,180	-0.140	1,408	1.0	10.5	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	16,400	-1.20%	-4.09%	16,415	-0.118	1,828	1.4	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	129,000	-0.39%	-4.09%	49,665	-0.115	395	9.8	326.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	14,000	-1.41%	-6.04%	12,592	-0.106	1,119	1.0	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	11,500	-2.54%	-8.73%	6,851	-0.104	321	1.1	35.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	77,100	4.33%	14.22%	3,855	0.100	2,718	3.9	28.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAB	10,700	-0.93%	0.00%	12,332	-0.068	1,044	0.9	10.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NET	64,700	6.94%	6.07%	1,355	0.056	5,517	2.3	11.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PTI	19,000	-4.04%	0.00%	2,291	-0.055	2,195	0.8	8.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	84,400	0.60%	-1.75%	257,914	0.590	4,047	6.8	20.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	60,700	-1.78%	-8.86%	73,169	-0.500	2,341	4.8	26.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	38,100	-4.99%	3.64%	18,989	-0.363	554	4.2	68.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VEF	78,200	-3.46%	-0.38%	13,042	-0.173	4,159	1.8	18.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	60,500	-0.98%	-3.04%	44,737	-0.169	4,936	3.5	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEA	36,000	0.56%	-1.10%	47,790	0.102	5,818	2.0	6.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LDW	22,200	-14.62%	-14.62%	1,749	-0.098	996	1.9	22.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSF	26,200	1.95%	0.00%	13,008	0.097	60	5.7	437.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	47,100	-0.41%	-0.21%	52,158	-0.083	2,208	3.6	21.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	15,000	1.35%	7.91%	15,597	0.081	591	1.5	25.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

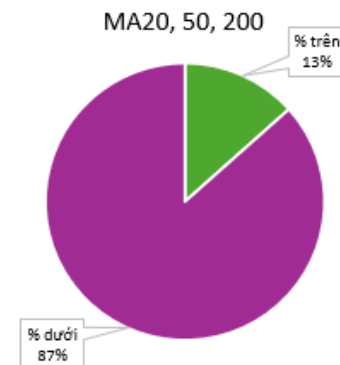
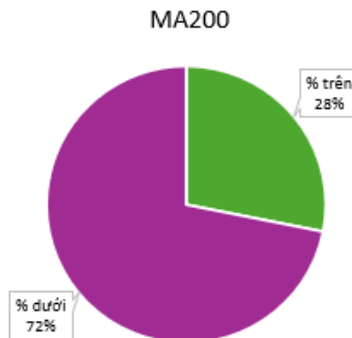
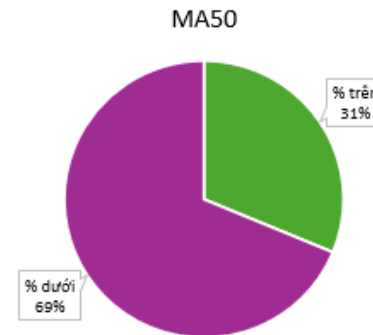
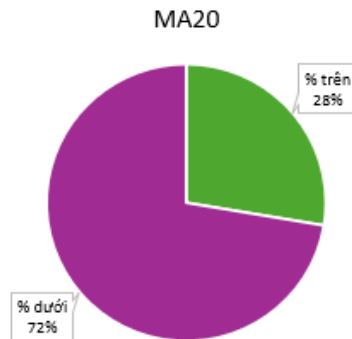
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SSB	22,350	6.9%	134.3	45.9	13,524	20,900	1.8	25.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	50,200	0.6%	19.3	11.2	40,200	49,900	1.7	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	22,400	3.9%	10.0	10.4	15,810	22,075	1.2	9.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	23,200	-1.1%	13.6	22.2	23,450	33,000	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	26,000	-0.4%	48.3	35.4	26,100	39,200	1.0	21.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,300	-1.9%	66.0	89.6	15,600	35,850	0.9	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	14,350	-1.0%	18.4	35.2	14,400	25,411	0.9	2.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	10,900	-2.2%	14.0	8.1	11,150	16,500	0.9	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,980	-1.2%	14.6	17.1	10,100	18,091	0.6	29.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,200	-1.2%	7.0	13.6	16,300	28,794	0.8	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VTO	10,800	3.3%	8.8	0.9	10,050	12,373	0.7	4.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BFC	48,600	1.5%	18.4	7.1	38,298	71,085	1.9	10.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			16/09/2026	15/09/2026	14/09/2026	11/09/2026	10/09/2026	09/09/2026	08/09/2026	07/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	26%	25%	23%	26%	27%	26%	26%
		Dưới	75%	74%	75%	77%	74%	73%	74%	74%
	MA50	Trên	33%	32%	29%	31%	35%	35%	35%	34%
		Dưới	67%	68%	71%	69%	65%	65%	65%	66%
	MA20	Trên	28%	28%	24%	25%	32%	32%	37%	34%
		Dưới	72%	72%	76%	75%	68%	68%	63%	66%
VN30	MA200	Trên	37%	37%	37%	30%	43%	47%	40%	37%
		Dưới	63%	63%	63%	70%	57%	53%	60%	63%
	MA50	Trên	60%	57%	47%	50%	70%	67%	63%	63%
		Dưới	40%	43%	53%	50%	30%	33%	37%	37%
	MA20	Trên	47%	50%	33%	33%	67%	60%	63%	57%
		Dưới	53%	50%	67%	67%	33%	40%	37%	43%
HNX	MA200	Trên	27%	27%	28%	26%	28%	28%	28%	27%
		Dưới	73%	73%	72%	74%	72%	72%	72%	73%
	MA50	Trên	33%	31%	28%	29%	33%	31%	32%	31%
		Dưới	67%	69%	72%	71%	67%	69%	68%	69%
	MA20	Trên	27%	27%	28%	26%	28%	28%	28%	27%
		Dưới	73%	73%	72%	74%	72%	72%	72%	73%
UPCOM	MA200	Trên	26%	26%	25%	27%	27%	27%	28%	28%
		Dưới	74%	74%	75%	73%	73%	73%	72%	72%
	MA50	Trên	31%	32%	31%	32%	33%	31%	32%	32%
		Dưới	69%	68%	69%	68%	67%	69%	68%	68%
	MA20	Trên	30%	30%	30%	31%	31%	31%	31%	31%
		Dưới	70%	70%	70%	69%	69%	69%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 9										Tháng 8									
		16 ↓	15	14	11	10	09	08	07	04	03	28	27	26	25	24	21	20	19	18	17
1	Dầu khí	82	80	68	57	58	58	56	52	63	61	57	58	59	58	59	49	41	39	36	29
2	Hóa chất	59	57	52	55	60	62	60	59	59	60	57	58	59	56	56	52	44	43	44	41
3	Bán lẻ	55	55	55	60	66	61	61	61	63	68	81	82	81	80	81	78	74	72	72	74
4	Ngân hàng	52	49	44	44	50	49	50	51	54	52	60	56	54	54	56	52	43	42	44	42
5	Hàng & Dịch vụ Côn...	52	50	48	50	52	51	52	55	61	61	66	66	65	65	65	62	56	57	58	52
6	Tài nguyên Cơ bản	47	49	48	50	51	54	54	53	56	59	66	67	68	68	68	67	64	66	65	61
7	Thực phẩm và đồ uống	44	44	44	45	48	49	50	53	53	53	57	58	58	58	57	54	50	49	49	48
8	Công nghệ Thông tin	42	39	38	37	41	36	35	35	34	34	45	44	45	43	42	41	28	26	30	28
9	Ô tô và phụ tùng	42	46	45	47	53	54	54	53	54	52	55	54	55	57	55	53	49	52	51	55
10	Du lịch và Giải trí	38	35	33	35	35	36	39	35	30	31	44	45	44	40	43	37	36	35	36	35
11	Điện, nước & xăng dầu	36	35	34	33	34	38	34	38	39	47	52	52	55	56	58	57	55	56	55	53
12	Bất động sản	34	35	36	37	44	45	47	52	52	53	56	57	55	52	50	42	28	30	33	29
13	Hàng cá nhân & Gia ...	33	36	34	37	40	46	49	51	54	48	53	53	54	53	49	49	42	42	41	42
14	Xây dựng và Vật liệu	30	30	27	32	36	37	37	40	40	43	50	51	51	50	51	49	42	45	47	44
15	Dịch vụ tài chính	27	30	28	30	41	41	44	46	50	51	60	58	57	56	53	51	30	30	32	31

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	27,600	-0.2%	0.7%	218,976	1.2	7.3	3,758	483.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	89,400	-2.2%	4.3%	215,718	3.1	17.0	5,269	241.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BSR	30,600	0.5%	11.9%	153,223	2.1	7.7	3,974	513.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	22,600	2.3%	0.7%	131,180	1.3	8.4	2,701	179.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSB	22,350	6.9%	26.3%	77,528	1.8	25.7	870	134.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	71,000	1.1%	11.8%	52,705	2.1	15.9	4,472	69.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	17,400	0.0%	1.2%	27,852	1.2	6.0	2,911	7.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	62,000	1.6%	5.6%	21,827	4.0	54.2	1,144	114.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	34,300	0.3%	7.2%	21,050	1.4	10.0	3,432	192.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
QNS	50,200	0.6%	2.2%	18,438	1.7	9.5	5,267	19.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	19,700	0.3%	5.6%	18,277	1.1	16.4	1,199	229.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
OIL	15,000	1.4%	7.9%	15,597	1.5	25.5	591	80.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	23,200	1.8%	10.5%	11,993	1.3	8.4	2,761	203.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	34,950	3.1%	6.2%	3,275	2.6	23.6	1,483	6.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAS	9,100	4.6%	7.1%	2,081	0.8	16.5	548	21.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVP	19,550	-2.0%	2.9%	2,027	1.0	6.3	3,120	27.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	14,900	3.5%	0.0%	1,083	1.4	4.9	3,030	34.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTO	10,800	3.3%	1.9%	863	0.7	4.8	2,262	8.8	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HII	10,850	-0.9%	9.6%	799	0.7	3.4	3,190	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	5,290	6.9%	39.2%	406	0.5	-21.9	-241	14.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVN	20,000	-2.7%	-8.7%	62,230	6.6	12.9	1,555	28.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	16,050	-0.3%	-4.2%	29,897	1.1	60.8	264	66.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	26,000	-0.4%	-3.5%	24,486	1.0	21.4	1,218	48.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	14,500	-1.4%	-8.5%	22,073	1.0	8.2	1,773	104.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,300	-1.9%	-10.0%	17,170	0.9	9.8	1,567	66.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	14,350	-1.0%	-7.4%	10,019	0.9	2.4	5,869	18.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EVF	11,500	0.0%	-3.8%	8,747	0.8	9.0	1,273	18.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	10,900	-2.2%	-6.0%	6,985	0.9	9.0	1,216	14.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	6,100	0.0%	-6.2%	6,675	7.5	-7.3	-825	7.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTD	57,500	-1.4%	-4.3%	6,430	0.7	8.2	7,046	10.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	9,350	0.0%	-5.4%	5,372	0.5	8.0	1,164	14.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,980	-1.2%	-7.2%	4,913	0.6	29.5	338	14.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	4,610	0.2%	-4.4%	2,072	0.4	31.0	149	5.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,950	-1.2%	-5.0%	176,880	1.3	7.6	2,750	258.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	38,150	-1.2%	-4.6%	105,845	2.3	17.1	2,237	70.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,400	0.0%	-4.9%	70,543	3.3	4.6	16,970	10.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHB	11,500	-0.4%	-2.1%	61,453	0.8	4.5	2,555	396.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	44,100	-1.0%	-1.2%	56,561	2.9	11.9	3,723	13.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TPB	14,000	-1.1%	-3.1%	38,837	0.9	5.1	2,732	65.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	12,650	-1.9%	-7.0%	32,546	1.0	5.9	2,153	317.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	7,690	-1.16%	-0.13%	25,500	227.8%	(354)	0.7	-21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,300	-1.92%	-10.00%	31,700	103.2%	1,567	0.9	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	71,500	0.42%	-0.14%	140,000	96.6%	6,663	3.0	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,300	0.00%	-2.59%	21,400	89.4%	2,909	0.9	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,050	1.26%	-0.93%	28,700	81.1%	2,298	0.9	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,200	0.00%	-1.98%	48,900	79.8%	3,530	1.1	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,950	-0.22%	-6.71%	40,500	76.1%	1,049	1.5	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	29,450	-0.84%	-5.00%	52,000	75.1%	5,852	0.8	5.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,550	0.00%	-2.87%	23,100	70.5%	1,976	0.7	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	39,700	-0.25%	-1.98%	66,800	67.8%	3,174	2.1	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	31,000	0.00%	0.00%	51,200	65.2%	5,201	1.9	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	19,900	2.05%	2.58%	31,900	63.6%	1,850	1.1	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	60,800	0.16%	-2.09%	98,000	61.4%	4,365	4.7	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,850	0.98%	0.49%	48,800	59.7%	5,172	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,250	2.08%	-5.77%	18,600	55.0%	1,849	0.6	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	23,700	-0.63%	-6.14%	36,800	54.3%	1,407	0.9	16.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	20,950	-1.18%	-4.99%	32,700	54.2%	2,750	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	67,400	0.00%	-1.46%	101,200	50.1%	4,631	2.5	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,300	1.50%	0.50%	29,600	48.0%	3,219	1.4	6.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHR	31,750	1.11%	-4.72%	45,900	46.2%	3,834	1.7	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn